

Hiệu quả của quá trình đào tạo từ xa qua mạng của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Hoàng Kiếm, Đỗ Phúc

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

78 Trương Định Quận 3, TP. Hồ Chí Minh1

1. HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA MẠNG

- Tạo điều kiện học tập cho mọi người, mọi lúc, mọi nơi. Tăng cường tính chủ động của người học, giá thành đào tạo thấp.
- Đào tạo qua mạng tạo điều kiện sử dụng chung các tài nguyên học tập, bài giảng, giáo trình điện tử, tiết kiệm chi phí chuẩn bị bài giảng, sách giáo khoa.
- Sử dụng các phần mềm Tin học cho phép mô hình hóa bài giảng, thể hiện trực quan bằng các phương tiện truyền tải nhanh và nhiều tri thức.
- Giải quyết vấn đề thiếu hụt giảng viên cho các vùng sâu, vùng xa có nhu cầu nhân lực. Một số tỉnh thành đang có nhu cầu bức thiết về nhân lực như Tỉnh Bình Phước, Tỉnh Tây Ninh.
- Giải quyết bài toán về hiệu quả kinh tế giữa số lượng, mặt bằng cơ sở vật chất, giao thông, giữa mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.
- Khả năng kết nối với các Trung tâm đào tạo khác trên thế giới.
- Việc học từ xa chính là bước thực hành đầu tiên của các chương trình E-govemment, E-commerce,... mà Việt Nam sẽ áp dụng trong tương lai rất gần. Việc đưa vào áp dụng chương trình này sẽ rút được rất nhiều kinh nghiệm cho việc triển khai các chương trình trên trong tương lai.

2. THÀNH QUẢ VÀ KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI ĐÀO TẠO TỪ XA QUA MẠNG2

2.1. Tổng quan

Bắt đầu từ năm 1998, ĐHQG-HCM đã bắt đầu nghiên cứu xây dựng hệ thống đào tạo từ xa qua mạng tin học-viễn thông. Hiện hệ thống có trên 10.000 sinh viên cử nhân và trên 200 học viên cao học trên phạm vi cả nước. Hệ thống đào tạo từ xa được truy cập theo địa chỉ <http://www.vnuit.edu.vn> Từ trang Web này có thể truy cập các tài nguyên của hệ thống như: kho tri thức bài giảng, thư viện sách điện tử, diễn đàn thảo luận, hỏi đáp từ xa...

2.2. Tích hợp công nghệ đa phương tiện và video vào sản xuất phần mềm dạy học và giáo trình điện tử

Công nghệ đa phương tiện và công nghệ video đã được tích hợp vào các giáo trình điện tử. Có thể truy cập giáo trình điện tử qua mạng hay đĩa CD. Mỗi giáo trình được chia thành hai phần. Phần giáo trình và phần tài liệu đọc thêm. Trong phần giáo trình sẽ có nhiều bài giảng.

Mỗi bài giảng có phần trình bày của giáo viên về các nội dung quan trọng của bài giảng và phần nội dung của bài giảng đó, sau đó là phần câu hỏi trắc nghiệm và bài tập. Phần tài đọc thêm nhằm mục tiêu cung cấp thêm nhiều tri thức liên quan đến bài giảng.

Hiện có hơn 60 giáo trình điện tử thuộc giai đoạn đại cương và giai đoạn chuyên ngành CNTT đã được sản xuất và có thể truy cập qua mạng hoặc trên đĩa CD-ROM. Các giáo trình này có thể đưa lên mạng Internet để sinh viên sử dụng²

2.3. Công nghệ lớp học trực tuyến được triển khai mạnh mẽ

Công nghệ lớp học trực tuyến cho phép thực hiện giảng dạy và trao đổi trực tuyến từ xa qua mạng đa điểm. Hiện các sinh viên cử nhân và Cao học đều được bố trí thời gian theo dõi các bài giảng trực tuyến được phát từ trung tâm phát chương trình và truyền qua Internet đến trạm thu từ xa tại Hà nội, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh.

Trong kỳ thi tuyển sinh cao học, công nghệ trực tuyến đã được ứng dụng để giám sát kỳ thi từ xa qua mạng.

2.4. Ứng dụng công nghệ mạng nâng cao chất lượng dạy và học

Các công nghệ tiên tiến trên mạng máy tính đã được đưa vào sử dụng để hỗ trợ giáo dục- đào tạo nhằm tạo ra một môi trường học tập với đầy đủ tư liệu học tập, giáo trình, bài tập, thư viện sách tham khảo và sự hỗ trợ của thầy giáo.

Bên cạnh đó, hệ thống tương tác giữa người học với nhau, giữa thầy giáo và học sinh sẽ giúp người học nhanh chóng làm chủ các yêu cầu của bài giảng.

Các câu hỏi thường gặp trong các Khoa học trước được biên tập và đưa vào kho sưu tầm để các học viên có thể tham khảo.

Trong hệ thống có thư viện điện tử với nhiều tư liệu quý giá hỗ trợ cho tiến trình dạy và học. Các tư liệu được sắp xếp theo từng chủ đề của chương trình đào tạo. Học viên có thể tham khảo các tài liệu đọc thêm qua hệ thống mạng và cũng có thể download các tài liệu quý.

Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, đào tạo chuyên sâu, hệ thống có thư viện điện tử các công trình khoa học thuộc chuyên ngành CNTT và thư viện luận văn, luận án. Các luận văn luận án được sắp xếp biên mục theo nội dung và tổ chức dưới hình thức thư viện điện tử nhằm hỗ trợ khai thác thông tin.

3.KẾT LUẬN:

Thế kỷ 21 là thế kỷ của khoa học và công nghệ. Sự nghiệp chuẩn bị nguồn nhân lực cho thời kỳ mới của đất nước là một nhiệm vụ nặng nề của ngành giáo dục đào tạo nói riêng và toàn xã hội nói chung. Thế kỷ 21 sẽ là giai đoạn bùng nổ của CNTT với các thành tựu diệu kỳ. Các thành tựu do CNTT mang lại sẽ là động lực giúp chúng ta có thêm các phương tiện mới phát triển đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Tài liệu tham khảo

[1] Antony Bates: Restructuring the university for technology change, University of British

Columbia, Canada, 1997

[2] David Lassner: Distance Education in the University of Hawaii, USA, 1997

[3] Thomas Owens: Information Technology: The NorthWest Regional Educational Laboratory, Oregon, USA, 1997

[4] Vuong T Son, Eric Manning: Building the IT capacity education in Vietnam, University of British Columbia, 1999

Trích tài liệu “Hội thảo Khoa học Công nghệ Thông tin Địa lý” tháng 08/2005